

Bản án số: 191/2025/HS-ST
Ngày 11-11-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đức Lợi
- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 180/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1994 tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: Tổ A, ấp E, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1955 và bà Ngô Cẩm B (đã chết); có 03 anh chị ruột, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1988; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Bản án hình sự số 23/2013/HS-ST ngày 28/3/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 năm tù về tội Giết người và Cướp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2022; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam ngày 09/6/2025, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Lê Nguyễn Phương N, sinh năm 2000 và chị Phạm Thị Kim T, sinh năm 2003; cùng địa chỉ: 6, đường H, khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh N có mặt, chị T vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Chị Võ Hồng L1, sinh năm 1970; địa chỉ: B, đường H, khu phố A, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2/ Anh Nguyễn Ánh V, sinh năm 1991; địa chỉ: số B, T, khu phố Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Phạm Thị Kim T cùng chồng là anh Lê Nguyễn Phương N có mở quán cà phê tại địa chỉ số F khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyễn Phước Đ là cậu ruột của anh Lê Nguyễn Phương N, do không có nghề nghiệp ổn định nên vợ chồng anh N cho Đ đến quán cà phê ở và phụ trông coi quán từ khoảng tháng 9 năm 2024

Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 08/10/2024, Nguyễn Phước Đ vào phòng của vợ chồng chị T để đi vệ sinh thì thấy túi đựng laptop của chị T không khóa, để dưới sàn nhà, bên trong có 01 cái laptop, Nguyễn Phước Đ sợ các cháu nhỏ trong nhà lấy làm hỏng nên đi đến định kéo khóa lại, để lên trên. Khi Nguyễn Phước Đ cầm túi laptop lên, do không kéo khóa nên Nguyễn Phước Đ thấy bên trong có một túi vải nhỏ màu đỏ, miệng túi được rút lại bằng dây, loại túi thường được sử dụng để đựng trang sức vàng. Nguyễn Phước Đ mở túi vải ra xem thì thấy bên trong có 02 chiếc lắc vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 mặt dây chuyền vàng có đính đá trắng. Lúc này, Nguyễn Phước Đ lấy túi vải màu đỏ chứa số vàng trên bỏ vào túi quần rồi để túi laptop lại chỗ cũ và đi ra ngoài. Khi đi ra ngoài quán, Nguyễn Phước Đ gặp chị T và nói đi công việc một chút, sau đó Đ đi đến tiệm V2 ở số B T, khu phố Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh để cầm cố 02 lắc vàng và 01 dây chuyền vàng được 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng. Sau đó, Nguyễn Phước Đ sử dụng số tiền trên để đi chơi, tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 08 giờ ngày 09/10/2024, Nguyễn Phước Đ tiếp tục đến tiệm V3 ở số B đường số H, khu phố H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh để cầm cố 01 mặt dây chuyền vàng có đính đá trắng được 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng. Sau đó, Nguyễn Phước Đ tiếp tục sử dụng số tiền trên để đi chơi, tiêu xài cá nhân hết.

Do từ ngày 08/10/2024 đến ngày 09/10/2024, Nguyễn Phước Đ bỏ đi không về, không liên lạc được nên chị T nghi ngờ và kiểm tra lại toàn bộ tài sản của mình thì phát hiện 02 chiếc lắc vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 mặt dây chuyền vàng có đính đá trắng của mình để trong túi vải màu đỏ đựng trong túi laptop trong phòng ngủ đã bị mất nên tiếp tục liên lạc với Nguyễn Phước Đ. Đến ngày 10/10/2024, chị T liên lạc được với Nguyễn Phước Đ. Vợ chồng chị T có nói với Nguyễn Phước Đ về việc bị mất tài sản thì Nguyễn Phước Đ thừa nhận mình đã lấy trộm số vàng trên vào ngày 08/10/2024 và mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến chiều ngày 10/10/2024, Nguyễn Phước Đ về quán cà phê gặp vợ chồng chị T đưa lại 01 giấy cầm đồ có nội dung “cầm dây 2 lắc 18k TL: 4c10” tại tiệm V2 6 với số tiền 17.000.000 đồng và 01 giấy cầm đồ có nội dung “1 mặt – 6^{chi}3 - 18^{TD},” tại tiệm V3 với số tiền 25.000.000 đồng cho vợ chồng chị T và hứa sẽ đi làm để trả lại số tiền trên, do nghĩ là người trong gia đình nên vợ chồng chị T cũng đồng ý. Tuy nhiên, sau đó Nguyễn Phước Đ ở lại

quán cà phê với vợ chồng chị T vài ngày rồi bỏ đi nên đến ngày 17/12/2024, chị T đến Công an phường Đ trình báo sự việc. Ngày 09/6/2025, Nguyễn Phước Đ đến Công an phường Đ đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 1045/KL-KTHS ngày 20/3/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định:

- 02 lắc tay và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có tổng khối lượng: 15,4670 gam, chứa thành phần kim loại chính là V1 (A), hàm lượng vàng (A) trung bình: 60,54%.

- 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có đính hạt có khối lượng (bao gồm cả hạt) 34,0782 gam, chứa thành phần kim loại chính là vàng (A), hàm lượng vàng (A): 62,23%.

- * Theo Kết luận định giá tài sản số: 53/KLDG-HĐĐGTS ngày 26/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D xác định: 01 mặt dây chuyền kim loại vàng có đính hạt đá trắng, tổng trọng lượng gồm cả hạt 34,0782g, trong đó: Hạt đá 10,3875g trị giá 300.000 đồng; tổng trọng lượng vàng 23,6907g (6,3 chỉ) trị giá 33.364.800 đồng.

- * Theo Kết luận định giá tài sản số: 52/KLDG-HĐĐGTS ngày 26/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố D xác định: 01 lắc tay kim loại vàng kiểu chữ N, 01 lắc tay kiểu chữ công kim loại vàng, 01 dây chuyền kim loại vàng kiểu chữ công, tổng trọng lượng 15,4670g (4,125 chỉ) hàm lượng vàng 60,54%, trị giá 21.864.000 đồng.

- * Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: 02 chiếc lắc vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 mặt dây chuyền vàng có đính đá trắng, ngày 30/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số A3759/QĐ-VPCQCSĐT trả cho chủ sở hữu bị hại chị Phạm Thị Kim T và anh Lê Nguyễn Phương N.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là 02 lắc tay vàng, 01 sợi dây chuyền và 01 mặt dây chuyền vàng đính đá trắng do bị cáo cầm cố tại tiệm V2 6 và tiệm V3, quá trình tố tụng bị cáo Nguyễn Phước Đ đã đưa cho chị T số tiền 42.000.000 đồng để chị T trả lại cho anh Nguyễn Ánh V và chị Võ Hồng L1 để chuộc lại số vàng trên. Bị hại anh Lê Nguyễn Phương N và chị Phạm Thị Kim T đã nhận lại tài sản và không còn yêu cầu gì khác.

Anh Nguyễn Ánh V là chủ tiệm V2 6, sau khi nhận tiền bồi thường số tiền 17.000.000 đồng, không có yêu cầu bồi thường nào khác.

Chị Võ Hồng L1 là chủ tiệm V3, sau khi nhận tiền bồi thường số tiền 25.000.000 đồng, không có yêu cầu bồi thường nào khác.

Quá trình điều tra, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về các Kết luận định giá tài sản trên.

Tại Cáo trạng số: 01/CT-VKS-KV16 ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo

Nguyễn Phước Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

Bị hại anh N đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[01] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[02] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại và những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 08/10/2024, tại quán cà phê ở địa chỉ số F, khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Phước Đ có hành vi chiếm đoạt 02 chiếc lắc vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 mặt dây chuyền vàng đính đá trắng của anh Lê Nguyễn Phương N và chị Phạm Thị Kim T, trị giá 55.228.800 đồng rồi mang bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 55.228.800 đồng của bị cáo là vi phạm pháp luật, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng số: 01/CT-VKS-KV16 ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh và luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[03] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình

tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[04] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 28/3/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 năm tù về tội Giết người và Cướp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2022 nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[05] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục thiệt hại; bị cáo đầu thú; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[06] Về nhân thân: Bị cáo là người lao động nghề nghiệp không ổn định, đã từng bị xét xử về tội Giết người, cướp tài sản.

[07] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội nghiêm trọng, có nhân thân xấu đã từng bị xét xử về tội Giết người, Cướp tài sản, sau khi chấp hành xong hình phạt tù bị cáo không rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình, cho xã hội đồng thời có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[08] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là 02 chiếc lắc vàng, 01 dây chuyền vàng, 01 mặt dây chuyền vàng đính đá trắng, quá trình điều tra tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại anh Lê Nguyễn Phương N và chị Phạm Thị Kim T, bị hại không còn yêu cầu gì khác, nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Ánh V là chủ tiệm V2 và chị Võ Hồng L1 là chủ tiệm V3 nhận cầm cố tài sản của bị cáo, nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không đề nghị xử lý là phù hợp. Đối với số tiền cầm cố tài sản, bị cáo đã trả lại cho anh V, chị L1, quá trình tố tụng anh V và chị L1 không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[09] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2025.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Phước Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 – TP.HCM (01);
- Phân trại tạm giam Lái Thiêu (03);
- Phòng THADS khu vực 16 (01);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- Người tham gia tố tụng (04);
- Sở tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- UBND bị cáo thường trú (01);
- Bị cáo (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liễn

